

MỤC LỤC

KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

- 1. Nguyễn Thị Liên** - Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến gắn kết công việc của nhân lực ngành nhân sự. *Mã số: 186.1HRMg.11* 3
Factors Affecting to Work Engagement of Human Resource Employees
- 2. Lê Thị Việt Nga và Dương Hoàng Anh** - Thương mại song phương Việt Nam - Israel trong bối cảnh thực thi vifta: tiếp cận từ các chỉ số thương mại. *Mã số: 186.IIEM.11* 21
Vietnam-Israel Bilateral Trade in the Context of Vifta Implementation: An Approach Based on Trade Indicators
- 3. Trịnh Thị Hương** - Yếu tố tác động tới việc tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động làm việc trong các doanh nghiệp tư nhân tại Việt Nam giai đoạn 2018 – 2022. *Mã số: 186.SMET.11* 37
Factors Affecting Social Insurance Participation of Employees Working in the Private Business Sector in Vietnam in the Period 2018 - 2022

QUẢN TRỊ KINH DOANH

- 4. Trần Thị Kim Phương, Hồ Mai Thảo Nhi, Nguyễn Kỳ Viễn, Đỗ Thị Thu Uyên, Trần Trung Vinh và Trương Bá Thanh** - Ảnh hưởng của sự tin cậy và sự chứng thực quá mức đến tài sản thương hiệu của người nổi tiếng trực tuyến trên tiktok và ý định đặt phòng của người theo dõi. *Mã số: 186.2Badm.21* 50
The Impact of Celebrity Credibility and Over-Endorsement on Online Celebrity Brand Equity on Tiktok And Followers' Booking Intention

- 5. Phạm Thu Trang** - Tác động của công bằng trong tổ chức tới nghỉ việc trong im lặng tại các doanh nghiệp Việt Nam. *Mã số: 186.HRMg.21* 65

The Impact of Organizational Justice on Quiet Quitting in Vietnamese Businesses

- 6. Nguyễn Thị Nga và Nguyễn Hữu Khôi** - Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định mua sắm của khách hàng trong bối cảnh bán lẻ hợp kênh. *Mã số: 186.2BMkt.21* 76

Factors Influencing Customers' Purchase Intention in the Context of Omnichannel Retailing

- 7. Ao Thu Hoài và Vũ Lan Phương** - Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định lan truyền và mua hàng trên tiktok tại thành phố Hồ Chí Minh. *Mã số: 186.2BMkt.21* 87

Factors Influencing Viral Behavior Intention and Purchase Intention of Tiktok's Users in Ho Chi Minh City

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

- 8. Trần Kiều Trang và Phan Nam Thái** - Vai trò của vốn con người, cam kết lao động và đổi mới sáng tạo đối với năng suất lao động trong doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất. *Mã số: 186.3BAdm.31* 102

Empirical study on the role human capital, employee engagement and innovation for productivity of manufacturing SMEs

THƯƠNG MẠI SONG PHƯƠNG VIỆT NAM – ISRAEL TRONG BỐI CẢNH THỰC THI VIFTA: TIẾP CẬN TỪ CÁC CHỈ SỐ THƯƠNG MẠI

Lê Thị Việt Nga*

Email: vietngale@tmu.edu.vn

Dương Hoàng Anh*

Email: duonghoanganh@tmu.edu.vn

*Trường Đại học Thương mại

Ngày nhận: 26/09/2023

Ngày nhận lại: 30/12/2023

Ngày duyệt đăng: 08/01/2024

Việt Nam và Israel đã ký Hiệp định thương mại tự do VIFTA vào ngày 25/7/2023, dự kiến Hiệp định có hiệu lực vào đầu năm 2024, điều này có ý nghĩa tiếp tục thúc đẩy mối quan hệ thương mại và đầu tư quốc tế giữa hai quốc gia. Thông qua việc sử dụng các chỉ số thương mại, kết quả nghiên cứu cho thấy thương mại hàng hóa song phương Việt Nam với Israel mang tính bổ sung; Việt Nam có lợi thế xuất khẩu (XK) nông sản, thủy sản, dệt may, giày dép, điện thoại và linh kiện, ... trong khi Israel có lợi thế XK phân bón, máy tính, máy móc và thiết bị, dụng cụ phụ tùng, ... Khi VIFTA có hiệu lực, Việt Nam tiếp tục có cơ hội XK các mặt hàng có lợi thế so sánh như trái cây nhiệt đới, may mặc, giày dép, điện thoại và những mặt hàng khác như ô tô, máy điện, thiết bị điện, mạch điện tử, ... sang Israel. Để tận dụng lợi ích từ VIFTA, Việt Nam cần đẩy mạnh hợp tác trong ngoại giao, kinh tế, công nghệ cao, đổi mới sáng tạo. Đồng thời, các doanh nghiệp cần thực hiện một số giải pháp nhằm phát triển thương mại với các đối tác ở Israel như chủ động nghiên cứu kỹ lưỡng luật pháp, tập quán thị trường, phát triển sản phẩm có lợi thế so sánh và được hưởng mức thuế quan ưu đãi, ... để thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Israel và các thị trường lân cận.

Từ khóa: Thương mại song phương Việt Nam - Israel, RCA, TTI, TCI.

JEL Classifications: F13, F15, F17.

DOI: 10.54404/JTS.2024.186V.02

1. Giới thiệu

Việt Nam, Israel chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao từ ngày 12/7/1993. Trong 30 năm qua, mối quan hệ hợp tác hữu nghị giữa hai quốc gia không ngừng phát triển và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực ngoại giao, kinh tế, thương mại, đầu tư. Đặc biệt, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Israel (VIFTA) được ký vào ngày 25/7/2023 sau 7 năm đàm phán có ý nghĩa củng cố thêm mối quan hệ thương mại và

đầu tư giữa hai quốc gia, đưa Israel trở thành đối tác quan trọng hàng đầu của Việt Nam tại khu vực Tây Á và ngược lại, Việt Nam trở thành đối tác đầu tiên trong khu vực Đông Nam Á ký kết FTA với Israel.

Theo Hiệp định này, Israel cam kết giảm thuế quan về 0% cho 92,7% số dòng thuế (trong đó 66,3% số dòng thuế được đưa về 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực và 26,4% số dòng thuế được xóa bỏ với lộ trình từ 3-5-7-10 năm). Chẳng

hạn, phần lớn mặt hàng thời trang hay giày dép gia công và thành phẩm (mã HS 61-64) được xóa bỏ thuế ngay khi VIFTA có hiệu lực. Các mặt hàng giày dép thể thao, thời trang áp dụng lộ trình 3-5 năm. Một số mặt hàng nông/thủy sản của Việt Nam như thịt, trứng, cà rốt, nấm, khoai tây, mật ong, cá ngừ... được phía Israel cho hưởng thuế suất 0% trong hạn ngạch. Ngược lại, Việt Nam cam kết xóa bỏ thuế quan đến 85,8% tổng dòng thuế ở cuối lộ trình. Việt Nam cũng mở cửa cho Israel trong thương mại dịch vụ và đầu tư ở các lĩnh vực quảng cáo, bán lẻ, dịch vụ cho thuê phương tiện không kèm người điều khiển... VIFTA được kỳ vọng đưa thương mại hai chiều lên mức trên 3 tỷ USD khi chính thức có hiệu lực vào đầu năm 2024.

Thực thi VIFTA không chỉ giúp khơi thông và thúc đẩy thương mại hàng hóa, dịch vụ giữa hai quốc gia mà còn gia tăng đầu tư của Israel trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của Việt Nam. Ngoài ra, VIFTA giúp Việt Nam đa dạng hóa thị trường, đa dạng hóa đối tác, đưa hàng XK của Việt Nam không chỉ tiếp cận với thị trường Israel mà còn có thể tiếp cận các thị trường khác trong khu vực Tây Á, Tây Nam Á; đồng thời, công nghệ cao, hàng hóa chất lượng tốt từ Israel cũng gia tăng khả năng tiếp cận thị trường Việt Nam, ASEAN và khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Hay nói cách khác, Hiệp định VIFTA mở ra cơ hội hợp tác và phát triển thương mại cho cả Việt Nam và Israel.

Trước bối cảnh đó, cần nghiên cứu để thấy được thực trạng quan hệ thương mại hàng hóa giữa hai quốc gia, nhận diện được tính chuyên môn hóa trong XK hàng hóa, tính bổ sung về cơ cấu hàng hóa, cũng như dự đoán tiềm năng thương mại để đưa ra giải pháp phát triển thương mại giữa Việt Nam - Israel thời gian tới khi VIFTA được thực thi. Vì vậy, bài viết này sử dụng các chỉ số thương mại và dữ liệu thống kê về thương mại hàng hóa được công bố bởi Tổng cục Hải quan Việt Nam, Trung tâm thương mại quốc tế (ITC) và UNCOMTRADE nhằm phân tích thực trạng thương mại song phương Việt Nam và

Israel. Nội dung tiếp theo của bài viết bao gồm phương pháp và số liệu nghiên cứu, thực trạng thương mại Việt Nam - Israel và kết quả nghiên cứu từ cách tiếp cận các chỉ số thương mại, cuối cùng là kết luận và khuyến nghị thúc đẩy quan hệ thương mại song phương, phù hợp lợi thế của mỗi quốc gia và tận dụng cam kết trong Hiệp định.

2. Tổng quan nghiên cứu

Thương mại quốc tế nói chung và thương mại song phương nói riêng được nghiên cứu với nhiều cách tiếp cận khác nhau. Trong đó, có thể tiếp cận theo hướng nghiên cứu về những yếu tố tác động đến XK hàng hóa, chẳng hạn theo tác giả (Phan Tú Anh, 2017), XK hàng hóa của Việt Nam chịu tác động của những yếu tố như quy mô nền kinh tế, khoảng cách văn hóa, khoảng cách kinh tế, mức độ cải tiến công nghệ của Việt Nam, độ mở cửa nền kinh tế, quy mô dân số Việt Nam, tỷ giá hối đoái và đường biên giới chung. Có nhiều nghiên cứu sử dụng mô hình trọng lực để đánh giá mức độ tác động của các rào cản thuế quan và phi thuế quan đến thương mại quốc tế, chẳng hạn nghiên cứu của (Erdal Yalcin, 2017) sử dụng mô hình trọng lực để cho thấy mức độ tác động của các rào cản phi thuế đối với từng nhóm hàng XK của các quốc gia. Hay nghiên cứu tác động của biện pháp thuế quan và các biện pháp phi thuế quan đến thương mại Việt Nam - EU trong bối cảnh thực thi Hiệp định thương mại tự do của tác giả (Nguyễn Bình Dương, 2016), theo đó kết quả nghiên cứu dự báo rằng thuế quan giảm theo Hiệp định này có tác động tích cực đối với XK hàng hóa của Việt Nam sang EU. Nghiên cứu khác của (Nga et al., 2023) cũng sử dụng mô hình trọng lực và phương pháp ước lượng PPML để lượng hóa tác động của một số biện pháp phi thuế đối với XK hàng nông sản, thủy sản của Việt Nam vào một số thị trường như EU, Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản; kết quả nghiên cứu cho thấy hầu hết các biện pháp phi thuế quan ảnh hưởng tiêu cực đến XK hàng nông sản, đặc biệt là các biện pháp vệ sinh dịch tễ (SPS) và các biện pháp đối kháng (CM), cà phê và hàng thủy sản là nhóm hàng chịu tác động mạnh mẽ từ các biện pháp phi thuế trong

khi một số hàng nông sản khác chịu tác động mạnh từ biện pháp thuế quan.

Bên cạnh đó, có nhiều nghiên cứu sử dụng các chỉ số thương mại để phân tích và đánh giá về thực trạng thương mại song phương, lợi thế cạnh tranh của các nhóm hàng của các quốc gia, cấu trúc thương mại trong mối quan hệ thương mại song phương đó. Điển hình như nghiên cứu của (Mustafa & Sharma, 2023) sử dụng chỉ số RCA để phân tích về thương mại giữa Ấn Độ và Úc, tác giả (Huong et al., 2016) đánh giá tác động theo ngành của EVFTA và chỉ ra sự gia tăng vững chắc của XK và nhập khẩu (NK) của EU với Việt Nam, đặc trưng thương mại mang tính liên ngành do cơ cấu xuất nhập khẩu (XNK), lợi thế và chuyên môn hóa XK của hai bên khác biệt rõ... trong giai đoạn 2001-2015. Hay nghiên cứu của (Lê Thị Ánh Tuyết, 2020) cũng sử dụng phương pháp này với CPTPP để xác định các lĩnh vực có khả năng hưởng lợi hay chịu ảnh hưởng tiêu cực trong thương mại Việt Nam - Nhật Bản. Theo đó, nghiên cứu chỉ ra rằng CPTPP là bàn đạp cho Việt Nam XK các MH thủy sản, rau quả, dệt may, đồ gỗ, giày da, linh kiện điện tử... sang Nhật; ngược lại, phía Nhật có thể gia tăng XK sang Việt Nam các MH có hàm lượng công nghệ cao.

Nghiên cứu về thương mại song phương Việt Nam - Israel dường như chưa có nhiều công bố, các nghiên cứu chỉ dừng lại ở việc thống kê, mô tả về quan hệ thương mại song phương với các số liệu về kim ngạch XK và NK giữa hai quốc gia, những mặt hàng được trao đổi thương mại giữa hai quốc gia, chẳng hạn nghiên cứu của (Ningthoujam, 2017). Nghiên cứu của tác giả (Hoang, n.d. 2019) cho thấy nếu VIFTA có hiệu lực, Việt Nam và Israel có nhiều cơ hội hợp tác trên các lĩnh vực như sản xuất và thương mại hàng nông sản, công nghệ thông tin, sản xuất phần mềm, đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin, y tế, thiết kế mạch tích hợp,... Đặc biệt, chưa có nghiên cứu nào về thương mại song phương Việt Nam - Israel được tiếp cận từ các chỉ số thương mại, đặt trong bối cảnh thực thi Hiệp định VIFTA. Vì vậy, việc tác giả sử dụng chỉ số

thương mại trong nghiên cứu về lợi thế XK, cơ cấu thương mại của hai quốc gia được coi là nghiên cứu có ý nghĩa trong việc xem xét mức độ bổ sung thương mại, lợi thế cạnh tranh trong quan hệ thương mại song phương giữa Việt Nam và Israel mà không bị trùng lặp với bất kỳ nghiên cứu nào đã công bố.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết này sử dụng các chỉ số thương mại để đánh giá về thực trạng thương mại song phương Việt Nam - Israel. Chỉ số thương mại được hiểu là một chỉ số hoặc tỷ lệ có thể được sử dụng để mô tả và đánh giá tình trạng dòng chảy thương mại và mô hình thương mại của một hoặc nhiều quốc gia cụ thể, hoặc có thể được sử dụng để giám sát các dòng và mô hình này theo thời gian hoặc giữa các quốc gia (Phan Tú Anh, 2017).

Các chỉ số thương mại bao gồm: (i) Chỉ số thương mại tổng hợp (Tỷ trọng thương mại, Độ mở thương mại, Cường độ hay mức độ tập trung thương mại), (ii) Chỉ số thương mại theo ngành (Thương mại nội ngành, Chỉ số lợi thế so sánh hiển thị, Chỉ số định hướng khu vực), (iii) Chỉ số chòng chéo, chẳng hạn như Chỉ số bổ sung thương mại... (Bacchetta et al., 2012; Phan Tú Anh, 2017).

Nội dung bài viết sử dụng những chỉ số thương mại như sau:

Chỉ số lợi thế so sánh hiển thị (Revealed Comparative Advantages - RCA)

Chỉ số lợi thế so sánh hiển thị (RCA) là tỷ lệ giữa tỷ trọng XK mặt hàng k của nước i và tỷ trọng XK mặt hàng k của thế giới và được xác định như sau:

$$RCA = \frac{Xi(k)/Xi}{Xw(k)/Xw}$$

Trong đó, $Xi(k)$ là kim ngạch XK mặt hàng k của quốc gia i, X_i là tổng kim ngạch XK của quốc gia i. $Xw(k)$ là kim ngạch XK mặt hàng k của thế giới, Xw là tổng kim ngạch XK của thế giới. Nếu $RCA > 1$ thì quốc gia i được coi là có lợi thế so sánh về mặt hàng k so với thế giới. Ngược lại, $RCA < 1$ thì quốc gia i được coi là không có lợi thế so sánh về mặt hàng k.

Bài viết này sử dụng chỉ số lợi thế so sánh hiển thị song phương (BRCA) được thiết lập dựa trên công thức tính RCA, cụ thể như sau:

$$BRCA = \frac{X_{ij(k)}/X_{ij}}{X_{wj(k)}/X_{wj}}$$

Trong đó, $X_{ij(k)}$ là kim ngạch XK mặt hàng k của quốc gia i sang quốc gia j, X_{ij} là tổng kim ngạch XK của quốc gia i sang quốc gia j. $X_{wj(k)}$ là kim ngạch XK mặt hàng k của thế giới vào quốc gia j, X_w là tổng kim ngạch XK của thế giới vào quốc gia j. Nếu $BRCA > 1$, quốc gia i được coi là có lợi thế so sánh về mặt hàng k so với thế giới khi XK vào quốc gia j. Ngược lại, $BRCA < 1$, quốc gia i được coi là không có lợi thế so sánh về mặt hàng k khi XK vào quốc gia j.

Chỉ số cường độ thương mại (Trade Intensity Index -TII)

Chỉ số cường độ thương mại là chỉ số đo lường mức độ tập trung hay cường độ thương mại của một quốc gia trong mỗi quan hệ thương mại với một quốc gia cụ thể. TII được sử dụng để xác định cường độ XK (mức độ tập trung XK) của 1 quốc gia tới 1 thị trường hoặc cường độ NK của một quốc gia từ một thị trường nào đó. TII được đo bằng tỷ trọng XK (hoặc NK) của quốc gia vào (từ) 1 thị trường trong mỗi tương quan với tỷ trọng XK (hoặc NK) của thế giới vào (từ) thị trường đó và được xác định như sau:

$$TII = \frac{T_{ij}/T_{iw}}{T_{wj}/T_w}$$

Trong đó: T_{ij} và T_{iw} là kim ngạch XK (hoặc NK) của nước i đến (hoặc từ) nước j và tổng kim ngạch XK (hoặc NK) của nước i đến (hoặc từ) thế giới.

T_{wj} và T_w là kim ngạch XK (hoặc NK) của thế giới đến (từ) nước j và tổng XK (hoặc NK) của thế giới. Hay nói cách khác, T_{wj} và T_w cũng chính là kim ngạch NK (hoặc XK) của nước j từ (đến) thế giới và tổng kim ngạch NK (hoặc XK) của thế giới.

Giá trị TII lớn hơn (nhỏ hơn) một (1) thể hiện mức độ tập trung/quan trọng (hoặc không tập

trung/không quan trọng) của hoạt động XK/hoặc NK của quốc gia i với j trong tương quan quan hệ thương mại giữa quốc gia j với thế giới.

Chỉ số bổ sung thương mại (Trade complementarity index - TCI)

Chỉ số bổ sung thương mại (TCI) được sử dụng để xác định mức độ tương thích (mức độ bổ sung) trong cơ cấu XK một nước so với cơ cấu NK của đối tác và được tính theo công thức sau:

$$TCI_{ij} = 100(1 - \sum(|X_{ik} - M_{jk}| / 2))$$

TCI_{ij} là chỉ số bổ sung thương mại của nước XK i đối với nước NK j. X_{ik} là tỷ trọng XK hàng hóa k trong tổng kim ngạch XK của nước i. M_{jk} là tỷ trọng NK hàng hóa k trong tổng trị giá NK của nước j.

Giá trị TCI dao động trong phạm vi từ 0 đến 100. Khi TCI bằng 0, điều này thể hiện rằng một nước XK những mặt hàng mà nước đối tác không NK, hay cơ cấu thương mại giữa hai quốc gia hoàn toàn không mang tính bổ sung. Giá trị TCI = 100 có nghĩa là cơ cấu XK và NK của 2 nước bổ sung hoàn toàn. Như vậy, chỉ số TCI càng đạt đến giá trị 100 càng cho thấy mức độ tương thích hay bổ sung thương mại càng lớn trong cơ cấu thương mại của hai nước đối tác, khi đó có thể khẳng định triển vọng lớn cho phát triển thương mại song phương.

Để tính toán chỉ số thương mại và phân tích thực trạng XNK của Việt Nam và Israel, bài viết sử dụng số liệu được công bố bởi Tổng cục Hải quan Việt Nam, Trung tâm thương mại quốc tế (ITC) và UNCOMTRADE trong khoảng thời gian 2015-2022.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Khái quát về thực trạng thương mại song phương giữa Việt Nam và Israel

Israel, năm 2022, có quy mô dân số gần 10 triệu người, thu nhập bình quân đầu người khoảng 55.000 USD (WB, 2022), là một quốc gia có thế mạnh về khoa học công nghệ, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp. Mặt khác, Israel là một quốc gia có đến 70% diện tích là sa mạc nên không có nhiều tài nguyên, điều kiện thiên nhiên

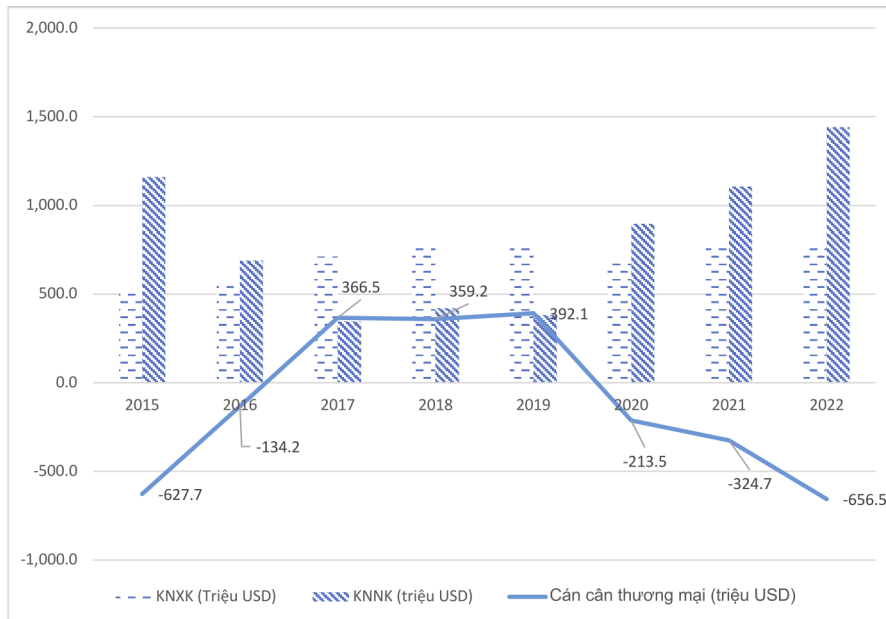
rất khó khăn, vì thế đất nước này có nhu cầu nhập khẩu hàng nông sản, thủy sản và nhiều hàng tiêu dùng khác.

Trong mối quan hệ song phương Việt Nam - Israel giai đoạn 2015-2022, Việt Nam là nước nhập siêu từ Israel trong các năm 2015-2016, 2020-2022, trong đó nhập siêu nhiều nhất vào năm 2015 và 2022 với giá trị thâm hụt tương ứng là 627,7 triệu USD và 656,5 triệu USD. Trong khi kim ngạch XK hàng hóa của Việt Nam sang Israel tăng nhẹ qua các năm từ 533,7 triệu USD vào năm 2015 lên 785,7 triệu USD vào năm 2022, kim ngạch NK luôn ở giá trị trên 500 triệu USD trong các năm, thậm chí đạt 1.442,2 triệu USD vào năm 2022 (cao nhất trong giai đoạn này), ngoại trừ kim ngạch NK giảm ở mức trên dưới 400 triệu USD những năm 2017-2019. Theo số liệu mới nhất của Tổng cục Hải quan Việt Nam, trong 6 tháng đầu năm 2023, tổng kim ngạch XNK của Việt Nam với Israel đạt 1.389 triệu USD (dự kiến giá trị này năm 2023 đạt khoảng 2,5 tỷ USD), trong đó XK sang Israel đạt 336,7 triệu USD và NK đạt 1.052 triệu USD.

Những hàng hóa mà Việt Nam XK sang Israel thường bao gồm điện thoại di động và linh kiện, hàng may mặc, giày dép, thủy sản (tôm, cá tra, cá ngừ, mực...), một số mặt hàng nông sản như cà phê, hạt điều, gia vị, thực phẩm chế biến, trái cây sấy khô... Năm 2022, kim ngạch XK điện thoại các loại và linh kiện đạt 293,2 triệu USD, giảm 17,6% so với năm 2021; tuy nhiên, giày dép các loại tăng 50,6% (đạt 92,3 triệu USD); dệt may tăng 30,1% (đạt 32,8 triệu USD); cà phê tăng 20% (đạt 24,3 triệu USD); thủy sản tăng 5,6% (đạt 80,4 triệu USD), hạt điều tăng 3,2% (đạt 59,8 triệu USD) (Bộ Công Thương, 2023).

Ngược lại, Việt Nam thường NK từ đối tác các mặt hàng như: máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, trong đó năm 2022 nhập 1,2 tỷ USD, tăng 32,6% so với năm 2021; NK phân bón các loại 92,8 triệu USD (giảm 3,9%); máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác 59,3 triệu USD (tăng 19,5% so với năm 2021) (Bộ Công Thương, 2023).

Như vậy, có thể thấy cơ cấu mặt hàng XNK của Việt Nam và Israel mang tính bổ sung. Điều



(Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam và UNCOMTRADE)

Biểu đồ 1: Kim ngạch XNK hàng hóa Việt Nam - Israel giai đoạn 2015 - 2022

này tạo cơ hội để Việt Nam gia tăng XK nhiều mặt hàng có thể mạnh sang Israel và NK các mặt hàng công nghệ cao từ Israel.

4.2. Đánh giá về thương mại song phương giữa Việt Nam – Israel tiếp cận từ các chỉ số thương mại

Chỉ số lợi thế so sánh hiển thị (RCA)

Lợi thế so sánh hàng XK của Việt Nam sang Israel biến động không giống nhau giữa các nhóm hàng. Lợi thế so sánh tập trung chủ yếu ở 6 nhóm.

Trong đó: lợi thế so sánh bao gồm các nhóm thực phẩm chế biến, sản phẩm da, nguyên liệu dệt may và hàng dệt may; lợi thế so sánh rất cao gồm các nhóm động vật sống, sản phẩm từ thực vật, giày dép, máy móc thiết bị (cơ khí và điện tử). Thậm chí nhóm hàng giày dép có chỉ số RCA₂₀₂₂ lên đến 12,85 - mức cao nhất trong số 16 nhóm hàng được phân loại theo UNCOMTRADE. Xu hướng gia tăng lợi thế trong giai đoạn 2015 - 2022 dễ thấy nhất với nhóm đồ gỗ và nguyên liệu dệt may,

Bảng 1: RCA của các nhóm hàng XK Việt Nam sang Israel, giai đoạn 2015-2022

Nhóm hàng (HS code 2007)	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
01-05_ Động vật (ĐV) sống, sản phẩm từ động vật	3,47	2,92	2,84	2,87	2,58	2,08	2,62	2,88
06-15_ Sản phẩm thực vật	3,33	4,36	3,23	3,37	2,98	2,89	3,04	3,51
16-24_ Thực phẩm chế biến, đồ uống, thuốc lá	1,04	1,55	1,95	2,42	1,42	1,4	1,71	1,86
25-26_ Khoáng sản	0,01	0	0,01	0	0	0	0	0
27_ Nhiên liệu khoáng	0	0	0	0	0	0	0	0
28-38_ Hóa chất	0,11	0,07	0,08	0,07	0,11	0,13	0,08	0,09
39-40_ Nhựa và cao su	0,29	0,35	0,29	0,35	0,31	0,4	0,33	0,32
41-43_ Da	1,98	2,34	1,86	1,8	1,99	2,39	2,1	2,4
44-49_ Gỗ	0,14	0,17	0,15	0,19	0,2	0,29	0,27	0,34
50-63_ Nguyên liệu dệt may, hàng dệt may	0,64	0,68	0,59	0,82	0,82	0,82	0,87	1,24
64-67_ Giày dép, mũ và sản phẩm đội đầu	7,39	8,37	7,09	6,9	7,73	6,23	8	12,85
68-71_ Sản phẩm đá, thủy tinh	0,03	0,02	0,02	0,02	0,01	0,02	0,01	0,01
72-83_ Kim loại cơ bản	0,13	0,1	0,31	0,22	0,24	0,07	0,08	0,11
84-85_ Máy móc, thiết bị cơ khí và điện tử	3,17	2,7	2,88	2,88	3,04	2,65	2,56	2,46
86-89_ Phương tiện vận tải	0	0	0	0	0	0	0,02	0,01
90-99_ Các mặt hàng khác	0,14	0,27	0,16	0,19	0,18	0,19	0,19	0,19

(Nguồn: Tính toán của tác giả từ dữ liệu UNCOMTRADE (2023))

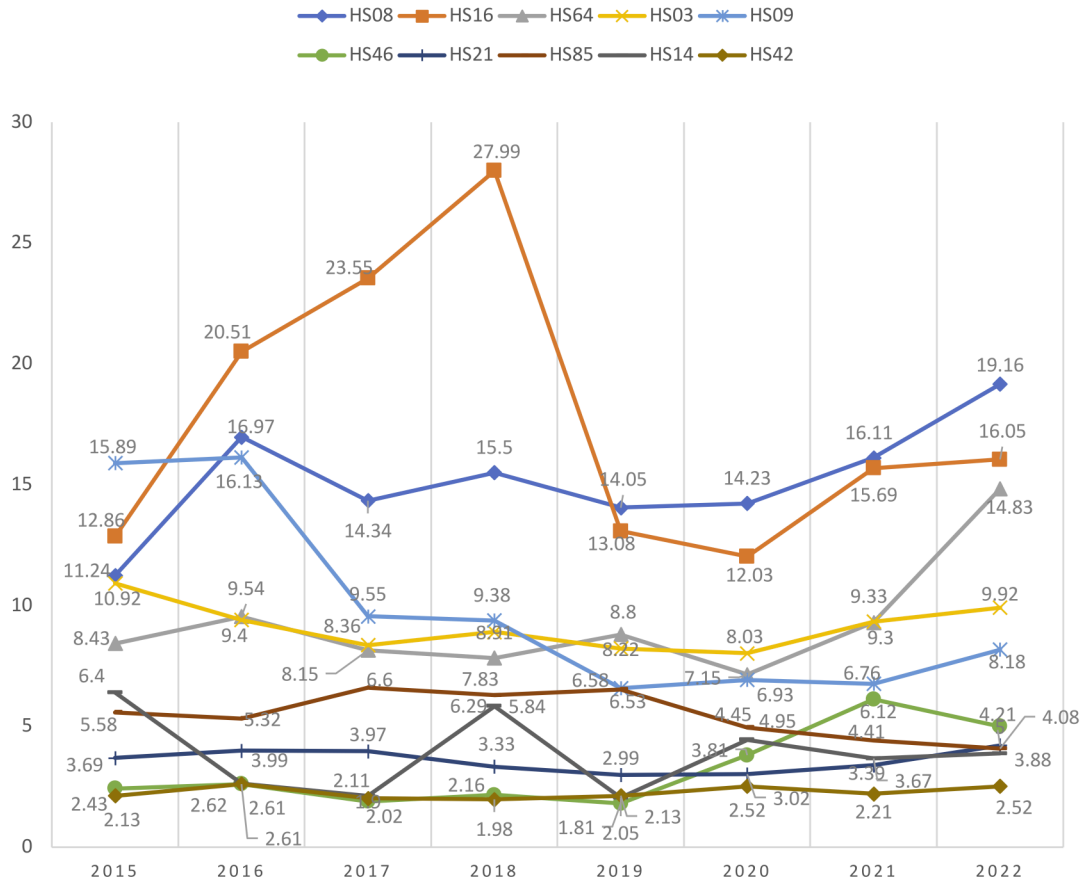
hàng dệt may. Từ không có lợi thế, hiện tại, nhóm nguyên liệu dệt may, hàng dệt may đã vươn lên trở thành nhóm hàng có lợi thế XK của Việt Nam trên thị trường Israel với RCA_{2022} là 1,24 (Bảng 1).

Tuy nhiên, nếu xem xét cụ thể trong từng mặt hàng, có thể thấy có nhiều sự khác biệt. Trong thời gian qua, số lượng mặt hàng có lợi thế đã tăng từ 11 lên 15. Trong đó, vị trí mặt hàng có lợi thế cao nhất đã có sự thay đổi. Năm 2015, cà phê, chè và các loại gia vị (HS09) có RCA_{2015} cao nhất với giá trị đạt 15,89. Từ năm 2016 đến 2018, chế phẩm từ thịt, cá hay động vật giáp xác/thân mềm hoặc thủy sinh không xương sống khác (HS16) đã vươn lên dẫn đầu. Tuy vậy, từ 2018 đến nay, vị trí này thuộc về nhóm hàng quả và các loại hạt như hạnh nhân, mac-ca, đậu phộng, hạt điều,... (HS08).

Trong năm 2022, có 15 mặt hàng có $RCA > 1$, trong đó cao nhất là quả và các loại hạt (hạnh nhân, mac-ca, đậu phộng, hạt điều) với $RCA_{2022}=19,16$. Tiếp đến là chế phẩm từ thịt, cá hay động vật giáp xác/thân mềm hoặc thủy sinh không xương sống khác ($RCA_{2022}=16,05$), giấy, dép, ghệt và các sản phẩm tương tự (HS64) với $RCA_{2022}=14,83$, cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và thủy sinh không xương sống khác (HS03) với $RCA_{2022}=9,92$, cà phê, chè và các loại gia vị (HS09) với $RCA_{2022}=8,18$, sản phẩm làm từ rom, cỏ giấy hoặc từ các loại vật liệu tết bện khác; các sản phẩm làm bằng liễu gai và song mây (HS46) với $RCA_{2022}=5,0$... Nếu xét theo mã HS 4 chữ số, số mặt hàng có $RCA > 1$ là 104, trong đó cao nhất là mặt hàng dừa, quả hạch Brazil và hạt điều, tươi hoặc khô, đã hoặc chưa bóc vỏ hoặc lột vỏ (HS0801) với $RCA_{2022}=105,25$. Tiếp đến là động vật thân mềm, đã hoặc chưa bóc mai, vỏ, sống/tươi/ướp lạnh/đông lạnh, làm khô/muối hoặc ngâm nước muối (HS0307) với $RCA_{2022}=95,03$; động vật giáp xác, thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến/bảo quản (HS1605) với $RCA_{2022}=91,91$; chuối, kể cả chuối lá, tươi hoặc khô (HS0803) với $RCA_{2022}=89,97$; động vật giáp xác, đã hoặc chưa bóc mai, vỏ, sống/tươi/ướp lạnh/đông lạnh, làm

khô, muối hoặc ngâm nước muối (HS0306) với $RCA_{2022}=71,84$... Nếu xét theo mã HS 6 chữ số, có 228 mặt hàng của Việt Nam có lợi thế XK sang thị trường Israel năm 2022, cụ thể: Loại khác của động vật thân mềm, đã hoặc chưa được bóc mai, vỏ; khô, muối hoặc ngâm nước muối (HS030749), sào riêng (HS081060), quế và hoa quế chưa xay hoặc nghiền (HS090611), tôm đã qua chế biến (HS160520), cua, ghẹ (HS030614)... Trong số này, mặt hàng có lợi thế có kim ngạch XK cao nhất là điện thoại di động, điện thoại dùng cho mạng không dây khác (HS851712) với 292,56 triệu USD, chiếm 37,24% tổng XK sang Israel năm 2022. Biến động của 10 mặt hàng có lợi thế XK của Việt Nam sang Israel năm 2022 thể hiện trong biểu đồ dưới 2:

Về phía Israel, xét theo nhóm hàng, giai đoạn 2015-2022, lợi thế hàng XK sang Việt Nam của Israel tập trung ở 2 nhóm: hóa chất và các sản phẩm công nghiệp hóa chất, nhóm các mặt hàng khác (từ mã HS90 đến 99). Trong đó, nhóm sản phẩm hóa chất có lợi thế so sánh rất cao - $RCA_{2017} = 6,24$ sau đó tăng lên 7,42 năm 2018, 8,38 năm 2021 và hiện $RCA_{2022}=6,9$. Điều này cũng phù hợp với thực tế bởi Israel có ngành công nghiệp hóa chất phát triển cao. Tăng trưởng XK nhóm sản phẩm hóa chất lên đến 55% năm 2022. Tập đoàn công nghiệp dược Teva của Israel (Teva Pharmaceutical Industries) là một trong số các nhà sản xuất dược phẩm phổ thông hàng đầu thế giới. Ngoài hai nhóm hàng đã nêu, ở một vài thời điểm trong giai đoạn nghiên cứu, có thêm một số nhóm khác: năm 2015 và 2016 có máy móc, thiết bị cơ khí và điện tử với $RCA_{2015}=2,97$ và $RCA_{2016}=2,86$; năm 2017 là nhóm sản phẩm gỗ, kim loại cơ bản; năm 2022 có nhóm thực phẩm chế biến, đồ uống. Đây cũng là nhóm có xu hướng gia tăng lợi thế rõ rệt nhất trong giai đoạn 2015-2022, từ $RCA_{2015}=0,02$ lên $RCA_{2022}=1,04$. Nhóm sản phẩm nhựa và cao su dù không có lợi thế song sự gia tăng dần đều giá trị RCA trong 7 năm qua cũng dần khẳng định tiềm năng XK của nhóm hàng này ($RCA_{2022}=0,93$).



(Nguồn: Tính toán của tác giả từ dữ liệu UNCOMTRADE (2023))

Biểu đồ 2: Biến động của 10 MH XK có RCA cao nhất của Việt Nam sang Israel giai đoạn 2015 - 2022

Xét theo phân loại HS 2 số, hiện tại có 13/99 nhóm hàng của Israel có lợi thế XK sang thị trường Việt Nam. Đây là sự gia tăng đáng kể về mặt số lượng khi ở thời điểm 2015, chỉ có 2 nhóm hàng XK của Israel có lợi thế XK sang Việt Nam. Phân bón (HS31) là nhóm có lợi thế lớn nhất thời điểm hiện tại với $RCA_{2022}=141,17$. Các nhóm hàng khác như dụng cụ, đồ nghề, kéo, dao và bộ đồ ăn làm từ kim loại cơ bản (HS82), chế phẩm từ rau, quả, quả hạch hoặc các sản phẩm khác của cây (HS20), tinh dầu và các chất tựa nhựa, nước hoa, mỹ phẩm hoặc các chế phẩm dùng cho vệ sinh (HS33), Niken và các sản phẩm bằng niken (HS75), thiết bị, dụng cụ và máy quang học, nhiếp ảnh, điện ảnh, đo lường/kiểm tra độ chính

xác, y tê hoặc phẫu thuật (HS90) cũng có lợi thế so sánh rất cao, dao động từ 4,01 đến 8,01. Nếu xét theo phân loại mặt hàng chi tiết, năm 2022, Israel có 83 mặt hàng (HS 4 số) và 203 mặt hàng (HS 6 số) XK sang Việt Nam có $RCA > 1$.

Chỉ số cường độ thương mại

Dù quy mô thương mại giữa Việt Nam và Israel có sự gia tăng theo thời gian song tỷ trọng thương mại song phương trong tổng thương mại của hai nước với thế giới còn nhỏ. Thị trường Israel hiện chiếm 0,21% XK và 0,4% NK của Việt Nam với thế giới. Ở chiều ngược lại, Việt Nam chiếm 1,2% NK và 0,24% XK của Israel với thế giới. Điều này được thể hiện ở Bảng 2 - Cường độ thương mại Việt Nam với Israel.

Cường độ XK Việt Nam sang Israel chưa bao giờ tương đương với NK từ Israel, cường độ XK chưa bao giờ đạt đến giá trị 1 trong giai đoạn nghiên cứu. Thậm chí, giá trị này có xu hướng giảm. Năm 2015, TII là 0,87. Năm 2020 còn 0,61. Năm 2022 là 0,49 - mức thấp nhất trong giai đoạn nghiên cứu. Thị phần của Israel trong XK của Việt Nam cũng giảm tương ứng cùng kỳ. Thị phần cao nhất trong XK của Việt Nam vào Israel là 0,33% năm 2015 song đã giảm xuống 0,29% năm 2019, 0,23% năm 2021 và hiện là 0,21% năm 2022. Với NK, mặc dù giảm mạnh trong các năm 2017 đến 2019 song TII chiều NK của Việt Nam với Israel hiện vẫn có giá trị > 1. Cán cân thương mại hiện đang bất lợi với Việt Nam, tức là Việt Nam hiện đang nhập siêu từ Israel. Năm 2022, TII chiều NK Việt Nam với Israel là 1,32. Có nhiều lý do cho sự thay đổi giá trị TII của Việt Nam với Israel. Một trong số đó nằm ở việc định hướng trong phát triển thương mại của Việt Nam từ 2015 đến nay. Với việc ký và thực thi nhiều hiệp định quan trọng trong thời gian này với các đối tác EU, Đông Á và Thái Bình Dương, trọng tâm thị trường gia tăng với các quốc gia như Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, ASEAN và Trung Quốc. Hơn nữa, Israel dù sao vẫn là thị trường có quy mô nhỏ. Tuy nhiên, với nhiều MH có lợi thế và tiềm năng XK sang Israel sau khi VIFTA được thực thi, chúng ta có thể kỳ vọng sự gia tăng quy mô XK Việt Nam sang Israel trong trung hạn để giảm thiểu mức thâm hụt thương mại hiện có.

Nếu xét theo các nhóm hàng cụ thể, cường độ XK Việt Nam-Israel tập trung ở 3 nhóm: động vật sống và sản phẩm từ động vật; rau quả; thực phẩm chế biến, thuốc lá, đồ uống. Năm 2015, có 8 nhóm có TII rất cao, có thể kể đến các nhóm như: các chế phẩm ăn được khác (HS21), quả và các loại hạt (hạnh nhân, mac-ca, đậu phộng, hạt điều) (HS08), chế phẩm từ thịt, cá hay động vật giáp xác/thân mềm hoặc thủy sinh không xương sống khác (HS16), lông vũ/lông tơ chế biến, sản phẩm bằng lông vũ/lông tơ; hoa nhân tạo; sản phẩm làm từ tóc người (HS67)... Năm 2017, nhóm chế phẩm từ thịt, cá hay động vật giáp xác/thân mềm hoặc thủy sinh không xương sống khác (HS16) có chỉ số TII cao nhất. Từ năm 2019 đến nay, quả và các loại hạt (hạnh nhân, mac-ca, đậu phộng, hạt điều) (HS08) là nhóm có TII cao nhất. Năm 2022, các nhóm có TII cao nhất có thể kể đến: quả và các loại hạt (hạnh nhân, mac-ca, đậu phộng, hạt điều) với $TII_{2022}=4,67$; chế phẩm từ thịt, cá hay động vật giáp xác/thân mềm hoặc thủy sinh không xương sống khác (HS16) với $TII_{2022}=3,09$; chè, chè Paragoay, cà phê và các loại gia vị (HS09) với $TII_{2022}=1,29$; cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và thủy sinh không xương sống khác (HS03) với $TII_{2022}=1,25$...

Ở chiều ngược lại, cường độ NK của Việt Nam với Israel tập trung ở nhóm hóa chất, thực phẩm chế biến, động vật sống và sản phẩm từ động vật. Năm 2022, có 10 nhóm có TII > 1, cao nhất là vật liệu ảnh hoặc điện ảnh (HS37) với $TII_{2022}=33,1$;

Bảng 2: Cường độ thương mại Việt Nam với Israel

Năm	Cường độ xuất khẩu	Cường độ nhập khẩu
2015	0,87	1,78
2016	0,76	1,02
2017	0,84	0,46
2018	0,81	0,55
2019	0,72	0,48
2020	0,61	1,18
2021	0,56	1,21
2022	0,49	1,32

(Nguồn: Tính toán của tác giả trên dữ liệu của International Trade Centre (2023))

tiếp đến là xe cộ, trừ thiết bị chạy trên đường xe lửa/xơ điện và các bộ phận/phụ tùng của chúng (HS87) với $TII_{2022}=15,2$, sản phẩm nguồn gốc động vật (HS05) với $TII_{2022}=4,72$, chế phẩm từ rau, quả, quả hạch hoặc các sản phẩm khác của cây (HS20) với $TII_{2022}=4,14$, máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận và phụ tùng của các loại máy trên (HS85) với $TII_{2022}=3,84$, phân bón (HS31) với $TII_{2022}=2,53$...

Chỉ số bổ sung thương mại (TCI)

Mặc dù có những biến động thất thường song chỉ số TCI giữa Việt Nam và Israel có xu hướng tích cực, nhất là chiều từ Israel. Điều này cho thấy nếu có thêm những động lực mới sẽ làm tăng cơ hội phát triển thương mại song phương giữa Việt Nam và Israel.

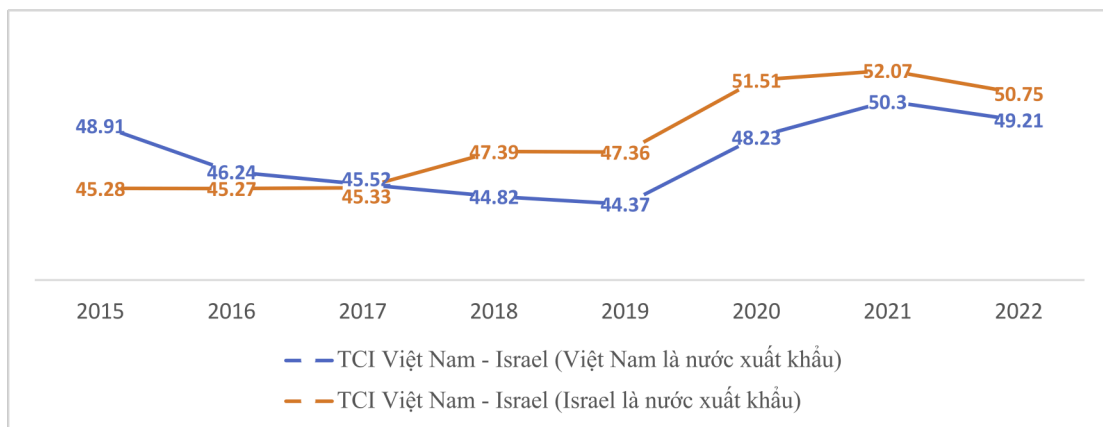
Trong vòng 8 năm trở lại đây, TCI của Israel với Việt Nam có xu hướng gia tăng, từ 45.28 năm 2015 lên 52.07 năm 2021. Dù năm 2022, chỉ số này có giảm nhẹ còn 50.75 song giá trị TCI dao động quanh mức 50 cho thấy cơ cấu thương mại Israel với Việt Nam có xu hướng gia tăng mức độ bổ sung. Đây là sự cải thiện đáng kể bởi giai đoạn từ 2008 đến 2015, chỉ số này chỉ dững quanh mốc 42 và 43. Ở chiều ngược lại, khi xem xét từ phía Việt Nam, giai đoạn 2015 đến nay, TCI của Việt Nam với Israel biến động không nhiều. Giá trị

TCI từ 40 đến 50 vẫn cho thấy cơ cấu thương mại song phương Việt Nam - Israel chứa đựng cả tính cạnh tranh và bổ sung.

4.3. Triển vọng thương mại song phương Việt Nam – Israel

Thực tiễn thương mại Việt Nam với Israel đã được đề cập ở phần trên. Tuy nhiên, với Israel, mặc dù tỷ trọng thương mại song phương không cao song đây cũng được xem là đối tác đầy tiềm năng với Việt Nam, nhất là khi VIFTA chính thức có hiệu lực từ đầu năm 2024.

Quy mô dân số Israel hiện vào khoảng 10 triệu dân song đây là quốc gia có sức mua lớn và khả năng thanh toán cao. Nhu cầu NK của Israel có xu hướng gia tăng. NK của Israel chủ yếu là các sản phẩm phi nông nghiệp như nhiên liệu khoáng, máy móc thiết bị, phương tiện và phụ tùng, dược phẩm, nhựa, sắt thép... Năm 2022, quy mô thương mại hàng hóa của Israel đạt 180,85 tỷ USD, trong đó NK là 107,27 tỷ USD, chiếm 0,5% NK hàng hóa thế giới. Theo nhóm hàng: NK hàng hóa nhóm nhiên liệu khoáng/dầu khoáng và các sản phẩm chung cất từ chúng (HS27) của Israel lên đến 14,6 tỷ USD, chiếm 13,6% tổng NK. Tiếp đến là máy móc/thiết bị điện và bộ phận của chúng (HS85) với 12,5 tỷ USD, chiếm 11,7%; lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy và trang thiết bị cơ khí (HS84) với 11,4 tỷ USD, chiếm 10,6%; xe cộ, trừ thiết bị chạy trên đường xe lửa/xơ điện và các bộ phận/phụ



(Nguồn: Tính toán của tác giả từ dữ liệu UNCOMTRADE (2023))

Biểu đồ 3: Chỉ số TCI Việt Nam với Israel, giai đoạn 2015-2022

tùng của chúng (HS87) với 9,19 tỷ USD, chiếm 8,58%; ngọc trai, đá quý, kim loại quý (HS71) với 6,65 tỷ USD, chiếm 6,21%; plastic và các sản phẩm bằng plastic (HS39) với 4,09 tỷ USD, chiếm 3,82%, dược phẩm (HS30) với 3,6 tỷ USD, chiếm 3,37%... Nếu xét theo mặt hàng cụ thể, quy mô NK lớn nhất là xăng dầu (HS2709) với 9,74 tỷ USD, xe ô tô và các loại xe có động cơ (được thiết kế chủ yếu để chở người) (HS8703) với 6,57 tỷ

USD, kim cương (HS7102) với 5,92 tỷ USD, thiết bị phát dùng cho phát thanh sóng vô tuyến hoặc truyền hình (HS8525) với 2,91 tỷ USD...

So với các quốc gia khác, số lượng FTA của Israel ký với các đối tác không nhiều (số liệu của WTO cho thấy Israel đã ký 12 FTA) song mức thuế của Israel với hàng hóa NK là thấp. Năm 2022, mức thuế ưu đãi bình quân là 2,25% trong khi mức thuế MFN bình quân là 2,56%. Năm

Bảng 3: Thuế suất với hàng nhập khẩu của Israel năm 2022

Tàn suất phân bố	Miễn thuế	0 <= 5	5 <= 10	10 <= 15	15 <= 25	25 <= 50	50 <= 100	> 100	Thuế không theo giá trị (%)
	Dòng thuế và giá trị nhập khẩu (%)								
Sản phẩm nông nghiệp									
Ràng buộc cuối cùng	4,2	8,4	3,5	2,1	17,0	10,2	18,5	34,8	0,3
Thuế MFN 2022	50,6	9,2	11,9	6,0	7,6	9,1	4,3	1,2	20,5
Nhập khẩu 2021	61,1	9,4	6,0	5,0	3,0	11,7	2,7	1,2	11,0
Sản phẩm phi nông nghiệp									
Ràng buộc cuối cùng	11,7	26,5	12,3	9,8	5,7	4,0	1,6	0,2	7,8
Thuế MFN 2022	79,5	0,6	10,9	8,2	0,3	0,4	0,1	0,0	1,1
Nhập khẩu 2021	72,1	0,4	17,3	9,8	0,1	0,1	0,1	0,0	0,3

Thuế suất và nhập khẩu theo nhóm sản phẩm

Nhóm sản phẩm	Thuế ràng buộc cuối cùng			Thuế MFN			
	Trung bình	Miễn thuế	Tối đa	Ràng buộc	Trung bình	Miễn thuế	Tối đa
	%	%	%	%	%	%	%
Sản phẩm động vật	97,8	17,6	190	97,3	18,3	36,8	170
Sản phẩm bơ sữa	169,9	0	247	95,2	53,7	28,6	212
Rau, quả	107,6	0	560	99,0	15,8	22,8	176
Chè, cà phê	9,2	0*	25	100	0,1	99,0	5
Ngũ cốc	66,8	0,5	255	100	9,8	72,5	114
Hạt có dầu, chất béo và dầu	39,5	1,8	128	100	5,6	64,5	83
Đường và bánh kẹo	9,3	0	35	100	0,4	91,2	4
Đồ uống, thuốc lá	131,8	1,0	255	96,1	11,0	54,0	150
Bông	76,0	0	76	100	0,0	100,0	0
Sản phẩm nông nghiệp khác	35,9	7,2	170	99,3	2,4	69,6	46
Cá, sản phẩm từ cá	4,8	0	170	56,2	6,2	70,5	158
Khoáng sản, kim loại	8,9	9,3	80	83,9	2,7	71,3	17
Xăng dầu	25,0	0	45	33,3	2,9	63,9	8
Hóa chất	8,2	9,4	70	85,3	0,9	90,0	12
Gỗ, giấy...	12,2	15,0	60	75,9	2,5	76,6	12
Dệt	24,4	0,9	179	49,8	0,8	92,9	22
May mặc	17,5	0	35	12,4	0,2	96,9	6
Đồ da, giày dép...	13,7	14,2	126	70,8	2,2	76,6	12
Máy móc không dùng điện	7,7	33,2	100	78,2	3,0	68,0	12
Máy móc chạy bằng điện	6,5	46,7	83	82,5	2,4	76,3	12
Thiết bị vận tải	19,0	27,6	100	43,9	2,4	68,5	12
Hàng chế tạo khác	9,7	31,6	87	81,5	2,4	74,9	12

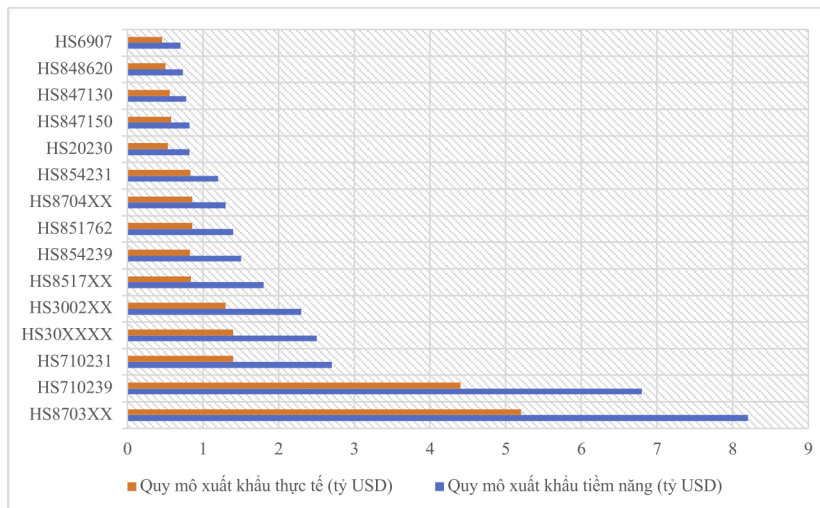
(Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ World Tariff Profiles 2023)

2023, bình quân của 2 mức thuế này giảm xuống còn 1,02%. Tỷ lệ dòng thuế theo giá trị lên đến 96,5% (cao hơn 0,99% so với năm 2022). Tỷ lệ số dòng thuế được miễn thuế là 91,26% (cao hơn 24,1% so với năm 2022). Đây là sự thay đổi rất lớn từ phía Israel khi hơn 15 năm qua, tỷ lệ dòng thuế được miễn thuế luôn dưới 60%. Nếu xét theo nhóm sản phẩm, mức thuế có sự khác biệt lớn. Theo Báo cáo “World Tariff Profiles 2023” của WTO, năm 2022, thuế MFN và thuế ưu đãi bình quân với nhóm sản phẩm nông nghiệp của Israel là 15,37%. Tỷ lệ này giảm xuống còn 11,12% trong năm 2023. Với nhóm sản phẩm phi nông nghiệp, tỷ lệ trung bình tương ứng giảm từ 1,6% xuống còn 0,25%. Tuy nhiên, với từng sản phẩm, mức thuế MFN trung bình và số dòng thuế được miễn có sự khác biệt. Các sản phẩm như chè, cà phê, đường và bánh kẹo, bông, hóa chất, dệt, may mặc có mức thuế MFN trung bình rất thấp, từ 0 - 0,9% với số dòng thuế hưởng từ 90%. Trong khi đó, sản phẩm bơ sữa có mức thuế MFN trung bình cao nhất (53,7%) và tỷ lệ dòng thuế trong nhóm được miễn là 28,6%.

Với VIFTA, theo cam kết cắt giảm thuế trong VIFTA, khi hiệp định được thực thi vào thời điểm đầu năm 2024, hầu hết các sản phẩm có lợi thế so sánh của Việt Nam (như đã trình bày ở phần trên)

gồm nông sản, thủy sản, dệt may, giày dép, điện thoại linh kiện... đều được hưởng ưu đãi thuế. Cụ thể: Hầu hết các sản phẩm thuộc nhóm nông lâm thủy sản hiện XK sang Israel đều được hưởng ưu đãi thuế, trừ 6 dòng thuế, chiếm 0,15% tổng kim ngạch XK nhóm này không nằm trong diện cam kết. Bên cạnh đó, các mặt hàng XK có kim ngạch trên 1 triệu USD cũng được cam kết xóa bỏ thuế với lộ trình tối đa 10 năm. Các mặt hàng như thịt, trứng gà, mật ong, nấm, cá ngừ và các loại rau củ như cà rốt, súp lơ... cũng được hưởng hạn ngạch thuế quan với mức thuế 0% trong hạn ngạch. Với hàng may mặc và giày dép, phần lớn sẽ được xóa bỏ thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực, trừ một số loại giày thể thao, thời trang áp dụng lộ trình 3 đến 5 năm. Như vậy, đây là động lực cho việc gia tăng xuất khẩu các nhóm hàng này sang thị trường Israel thời gian tới.

Trên cơ sở dữ liệu thương mại của Israel thời gian qua và dữ liệu của ITC, theo tính toán của tác giả, sản phẩm có tiềm năng XK lớn nhất của thế giới vào thị trường này thời gian tới là phương tiện cơ giới để vận chuyển người (HS8703XX), đạt mức 8,2 tỷ USD, với chênh lệch cao nhất giữa tiềm năng và quy mô xuất khẩu thực tế là 3,8 tỷ USD. Tiếp đến là kim cương (thô HS710231 hoặc đã được gia công HS710239), thuốc bán lẻ



(Nguồn: Tính toán của tác giả trên dữ liệu của International Trade Centre (2023))

Biểu đồ 4: Các sản phẩm có tiềm năng XK của thế giới vào thị trường Israel

(HS30XXXX), điện thoại (HS8517XX), mạch tích hợp (HS854239), các loại máy truyền/nhận/xử lý dữ liệu (HS851762), phương tiện vận tải hàng hóa (HS8704XX), mạch điện tử tích hợp (HS854231), máy xử lý dữ liệu tự động có thể cầm tay (HS847130), máy/thiết bị sản xuất linh kiện bán dẫn hoặc mạch điện tử tích hợp, thiết bị lọc không xương, đông lạnh (HS020230)...

Trong khi đó, với Việt Nam, khi thực thi VIFTA, Việt Nam tiếp tục được hưởng cam kết thuế ưu đãi khi XK vào thị trường Israel. Điều này được ví như “đại lộ” cho hàng Việt Nam vào thị trường tiềm năng như Israel, từ đó vươn đến các thị trường Tây Nam Á khác. Theo tính toán của tác giả:

+ Các sản phẩm có tiềm năng xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Israel, ngoài các nhóm hàng có lợi thế đã phân tích ở trên (HS64, HS03, HS08...) còn có các loại máy móc thiết bị cơ khí (HS84) và các loại máy điện/thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi/tái tạo âm thanh/hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận/phụ tùng của chúng (HS85). Nếu xét về quy mô xuất khẩu có thể gia tăng, máy truyền/nhận/xử lý dữ liệu (HS851762) được xem là sản phẩm XK tiềm năng nhất với quy mô XK có thể đạt 72 triệu USD khi tổng kim ngạch Israel nhập mặt hàng này lên đến 856 triệu USD với mức thuế 0% áp cho Việt Nam. Tiếp đến là mạch điện tử tích hợp dùng làm bộ xử lý/điều khiển (HS854231) với tiềm năng 49 triệu USD khi XK của Việt Nam sang Israel năm 2022 chỉ là 9,7 triệu USD. Các sản phẩm tiếp theo lần lượt là: Hạt điều đã bóc vỏ (HS080132), các bộ phận của điện thoại, máy ghi và truyền tải âm thanh/hình ảnh (HS85xxxx), phile cá đông lạnh (HS0304xd), giày, dép có đế cao su/nhựa/da tổng hợp và mũ giày bằng da (HS640399), giày, dép có đế bằng cao su/nhựa & mũ giày bằng vải dệt (HS640111), Gạo (xát toàn bộ, sơ bộ) (HS100630), kim cương đã gia công (HS710239), giày, dép có đế/mũ bằng cao su/nhựa (HS640299)...

+ Để đa dạng hóa XK sang Israel, các lựa chọn tốt nhất của Việt Nam là găng tay và găng tay cao su, giày dép, đế cao su/nhựa và mũ giày bằng vải

dệt, áo khoác ngoài, áo khoác có mũ và các loại vải tương tự dành cho nam giới từ sợi nhân tạo.

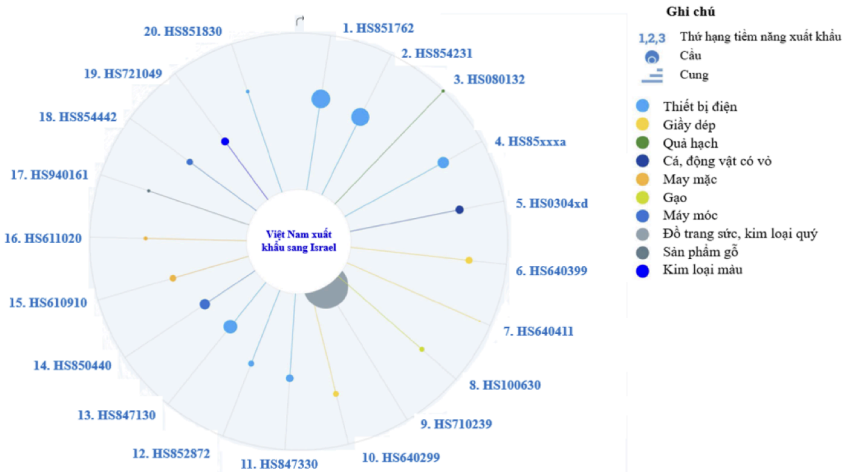
+ Nếu xét từ nhu cầu tiềm năng của thị trường Israel thì kim cương đã gia công là sản phẩm có nhu cầu tiềm năng lớn nhất, tiếp đến là các mã HS851762, HS854231, HS847130, HS85xxxx, bộ chuyển đổi tần (HS850440), xe ba bánh (HS950300)...

+ Nếu xét từ khả năng cung ứng cho thị trường Israel, mặt hàng điều (cả vỏ) (HS080132) là mặt hàng Việt Nam có khả năng cung ứng lớn nhất cho thị trường Israel.

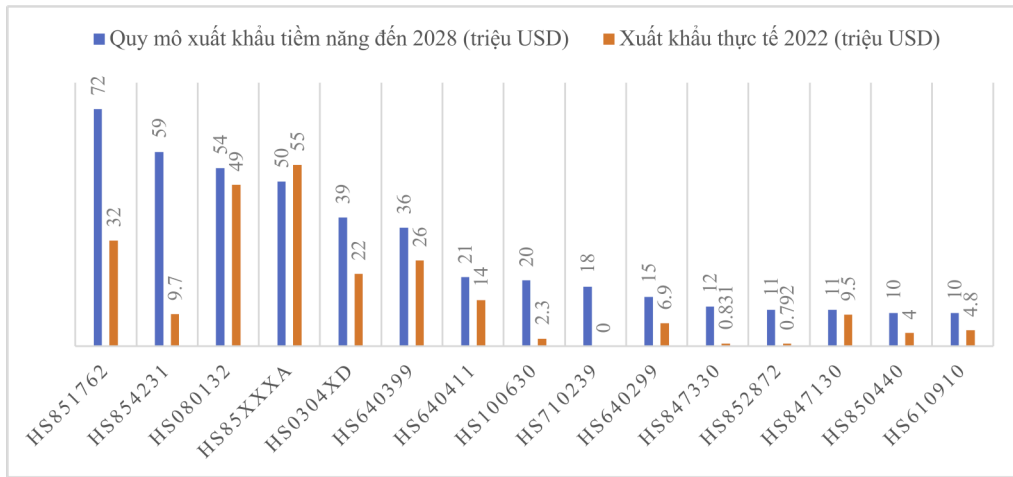
Từ phía Israel, phân bón, máy móc thiết bị phụ tùng, thực phẩm chế biến vẫn là các mặt hàng có lợi thế, có khả năng gia tăng xuất khẩu sang Việt Nam. Tuy nhiên, ngoài các mặt hàng đã nêu, theo tính toán của tác giả:

+ Các lựa chọn tốt nhất của Israel để đa dạng hóa XK sang Việt Nam là các sản phẩm bằng kim loại quý (HS711590), máy trợ thính (HS902140), chế phẩm tẩy rửa cho bề mặt kim loại (HS381010), bã và phế liệu từ quá trình ủ hoặc chung cất sản xuất tinh bột, đường (HS230330), đồng hồ đeo tay (HS910111), tôm hùm (HS0306xc), lá hợp kim đồng (HS741022), styren (HS290250)...

+ Sản phẩm có tiềm năng XK lớn nhất từ Israel sang Việt Nam thời gian tới là mạch tích hợp điện tử như bộ xử lý/bộ điều khiển (HS854231) với tiềm năng XK lên đến 458 triệu USD; tiếp đến là kim cương, gia công (HS710239), các bộ phận của bộ điện thoại và thiết bị truyền giọng nói/hình ảnh khác (HS85xxxx). Israel có khả năng cung cấp cao nhất cho Việt Nam với mã HS600590 (vải dệt kim dọc, gồm các loại được làm trên máy dệt kim hình dải, có chiều rộng > 30 cm) và các hàng hóa khác như phân khoáng hoặc phân hóa học (HS310590), kim cương đã gia công (HS710239), thuốc - trừ các mặt hàng thuộc nhóm 30.06, 30.05 hoặc 30.02, gồm từ hay nhiều thành phần trở lên, đã pha trộn, dùng cho phòng/chữa bệnh, chưa được đóng gói theo liều lượng hoặc làm thành dạng nhất định hoặc đóng gói để bán lẻ (HS3003xb)...



(Nguồn: Tính toán của tác giả từ dữ liệu của International Trade Centre (2023))
Biểu đồ 5: 20 mặt hàng của Việt Nam có tiềm năng XK lớn nhất vào thị trường Israel



(Nguồn: Tính toán của tác giả từ dữ liệu của International Trade Centre (2023))
Biểu đồ 6: Dự báo quy mô XK của 15 MH Việt Nam có tiềm năng XK lớn nhất vào Israel đến năm 2028

5. Kết luận và một số khuyến nghị

Là một quốc gia có điều kiện tự nhiên không thuận lợi, khó khăn về nguồn lực nhân công sản xuất nhưng Israel rất phát triển trong lĩnh vực khoa học - công nghệ, đặc biệt về thiết bị điện tử, máy tính, và công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp. Từ kết quả nghiên cứu ở trên cho thấy cơ cấu hàng hóa XNK trong thương mại hàng hóa giữa Việt Nam - Israel có tính bổ sung. Việt Nam có lợi thế cạnh tranh để XK sang Israel những sản phẩm như thủy sản (cá tra, tôm, mực đông lạnh, cá ngừ đóng hộp ...), hàng gia dụng (thiết bị đồ

dùng nhà bếp, máy hút bụi...), lương thực/thực phẩm chế biến, điện thoại di động, nông sản (trái cây nhiệt đới, hạt điều, cà phê, hồi, quế, hạt tiêu,...), hàng tiêu dùng (quần áo, giày dép...), bánh kẹo, nước giải khát, máy móc thiết bị điện, sản phẩm và thiết bị điện tử (thiết bị văn phòng, máy in, máy photocopy...), trái cây chế biến sấy khô và đóng hộp... Đồng thời, Israel có lợi thế XK sang Việt Nam phân bón, rau củ quả, máy công cụ, máy tính, thiết bị điện tử và phụ tùng, linh kiện bán dẫn, mạch tích hợp,... Trong đó máy tính, thiết bị điện tử/linh kiện chiếm tỷ trọng

cao nhất, chẳng hạn năm 2022, kim ngạch NK nhóm hàng này là 1,2 tỷ USD (chiếm 85,7% tổng kim ngạch NK từ Israel của Việt Nam).

Trong bối cảnh thực thi VIFTA, dưới tác động của ưu đãi thuế quan, đây tiếp tục là những nhóm hàng có lợi thế cạnh tranh và có triển vọng xuất khẩu sang Israel. Ngoài ra, Việt Nam có triển vọng xuất khẩu sang Israel những mặt hàng như: kim loại quý, kim loại màu, đồ trang sức, kim cương đã gia công... Chiều ngược lại, Israel có tiếp tục có cơ hội xuất khẩu những nhóm hàng có RCA, TII cao như máy móc thiết bị, phụ tùng, thực phẩm chế biến sẵn, thuốc, vải dệt kim dọc,...

Đề tận dụng những lợi ích có được từ Hiệp định, thu hút được các máy móc thiết bị, công nghệ hiện đại để phát triển sản xuất công nghiệp và nông nghiệp trong nước, cũng như để tiếp tục đẩy mạnh XK vào thị trường Israel và các thị trường lân cận, các doanh nghiệp Việt Nam và cơ quan quản lý nhà nước cần tập trung một số giải pháp sau:

- *Đối với các doanh nghiệp:* Thứ nhất, chủ động và tích cực tìm hiểu, xác minh về đối tác để đảm bảo đối tác uy tín, tin cậy, cũng như cần đảm bảo tính đầy đủ, chặt chẽ nội dung các điều khoản quan trọng của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế như tên hàng, giá cả, chất lượng, giao hàng, thanh toán, giải quyết tranh chấp. Thứ hai, chú trọng NK những mặt hàng mà Israel có lợi thế và được hưởng ưu đãi thuế quan tại Việt Nam nhằm thúc đẩy sản xuất trong nước theo hướng hiện đại hóa và bảo vệ môi trường. Thứ ba, chủ động, tích cực tham gia các hội chợ xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư để gặp gỡ đối tác góp phần thúc đẩy XK, thu hút đầu tư. Thứ tư, nghiên cứu quy định pháp luật, văn hóa, tập quán của thị trường để đáp ứng tốt nhất những yêu cầu của thị trường. Israel là thị trường vừa có những tiêu chuẩn đặc thù theo bản địa, vừa có những tiêu chuẩn áp dụng theo các tiêu chuẩn của Mỹ, Liên minh châu Âu (EU) và thực hiện công tác kiểm soát, kiểm tra nghiêm ngặt nên doanh nghiệp cần tìm hiểu kỹ và tuân thủ. Chẳng hạn, đối với mặt hàng tiêu dùng, lương thực và thực phẩm, người XK có thể phải đáp ứng chứng nhận Halal với doanh nghiệp NK người Ả rập hoặc chứng nhận Kosher với doanh nghiệp NK người Do Thái. Thứ năm, tập trung phát triển mặt hàng chế biến có giá trị vì Israel là thị trường

có tập quán và thói quen tiêu dùng muốn mua mặt hàng thành phẩm, qua chế biến, có giá trị gia tăng cao, mặt hàng đóng gói sẵn bao bì hoàn chỉnh, nhất là đối với nhóm hàng tiêu dùng, hàng lương thực/thực phẩm (hạt tiêu, hạt điều, cà phê, thủy hải sản, bánh kẹo, nước giải khát, sản phẩm giấy dếp các loại, hàng dệt may...), thậm chí với cả các mặt hàng điện tử, đồ gia dụng. Thứ sáu, doanh nghiệp nên giữ liên lạc với Thương vụ, Đại sứ quán Việt Nam tại Israel để được tư vấn kịp thời cũng như được cung cấp các thông tin hữu ích khi giao dịch, hợp tác với các đối tác.

- *Đối với Chính phủ và các cơ quan Bộ ngành:* Thứ nhất, Chính phủ và các Bộ ngành liên quan cần xây dựng chiến lược phát triển thương mại và đầu tư quốc tế với Israel với những mục tiêu tổng thể và cụ thể, trong đó chú trọng việc thu hút đầu tư công nghệ từ Israel để phát triển ngành nông nghiệp, công nghiệp của Việt Nam, thúc đẩy sản xuất và XK các MH Việt Nam có lợi thế XK vào Israel. Thứ hai, Bộ Công Thương là đầu mối thực hiện đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến Hiệp định VIFTA trong cộng đồng doanh nghiệp, các tổ chức sản xuất kinh doanh, các hiệp hội, chính quyền địa phương để các địa phương, doanh nghiệp có thể chủ động xây dựng chiến lược NK, XK phù hợp ưu đãi thuế quan mà VIFTA mang lại. Thứ ba, thúc đẩy các hoạt động hợp tác giao thương, xúc tiến thương mại, tăng cường tạo cơ hội để các doanh nghiệp hai nước gặp gỡ và trao đổi trực tiếp nhằm thực hiện các hoạt động mua bán những hàng hóa thuộc lợi thế của mỗi bên. Thứ tư, hỗ trợ cho các doanh nghiệp về thông tin thị trường, đối tác, luật pháp, văn hóa,... để có thể đáp ứng tốt nhất quy định, nhu cầu của thị trường. Thứ năm, tiếp tục đẩy mạnh hợp tác trong lĩnh vực ngoại giao, kinh tế để Việt Nam là cầu nối giữa Israel và ASEAN, Israel là cầu nối giữa Việt Nam với các nước Tây Á, đồng thời thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực công nghệ cao, đổi mới sáng tạo để cùng ứng phó với các vấn đề cấp bách như sa mạc hóa, biến đổi khí hậu,...

Như vậy, bằng việc sử dụng các chỉ số thương mại và các số liệu được cung cấp bởi ITC, UNCOMTRADE, bài viết đã phân tích thực trạng thương mại giữa Việt Nam và Israel, trong đó làm rõ mức độ lợi thế so sánh, mức độ tập trung thương mại của những nhóm hàng trong thương

mại giữa hai nước, cũng như mức độ bổ sung thương mại giữa hai quốc gia. Trong thời gian tới, khi thuế quan được giảm theo cam kết của Việt Nam và Israel trong khuôn khổ VIFTA, bên cạnh những mặt hàng vốn có lợi thế so sánh và mức độ tập trung thương mại cao, có nhiều mặt hàng Việt Nam có triển vọng xuất khẩu sang thị trường Israel. Vì vậy, để tận dụng lợi thế so sánh và những ưu đãi thuế quan từ VIFTA, tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng kim ngạch thương mại hai chiều giữa hai quốc gia, các cơ quan bộ ngành, địa phương, các doanh nghiệp cần tích cực thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, đặc biệt là những giải pháp về ngoại giao và tăng cường hợp tác trên các lĩnh vực kinh tế, khoa học công nghệ, những giải pháp về mặt hàng và thị trường,...

Tài liệu tham khảo:

Bacchetta, Marc., World Trade Organization., & United Nations Conference on Trade and Development. (2012). *A practical guide to trade policy analysis*. United Nations Conference on Trade and Development.

Bộ Công Thương. (2023). *Báo cáo XNK 2022*.

Erdal Yalcin, G. F. L. K. (2017). *Hidden Protectionism: Non-Tariff Barriers and Implications for International Trade*.

Hoang, B. C. (n.d.). *TRIEN VONG HOP TAC KINH TE VIET NAM-ISRAEL*.

Huong, V. T., Thị, N., & Phương, M. (2016). Đánh giá tác động theo ngành của Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam-EU: Sử dụng các chỉ số thương mại. In *Tập* (Vol. 32).

Lê Thị Ánh Tuyết. (2020). *Phân tích thương mại Việt Nam - Nhật Bản trong CPTPP: sử dụng chỉ số thương mại*.

Mustafa, G., & Sharma, A. (2023). An Analysis of India's Revealed Comparative Advantage in Merchandise Trade with Australia. *Global Economics Science*, 32-48. <https://doi.org/10.37256/ges.4120231623>.

Nga, L. T. V., Minh, D. N., & Cong, P. T. (2023). Assessing the impacts of non-tariff measures on the export of Vietnam's main agricultural and seafood products. *International Journal of Innovative Research and Scientific Studies*, 6(1), 72-79. <https://doi.org/10.53894/ijirss.v6i1.1090>.

Nguyễn Bình Dương. (2016). *Vietnam-EU Free Trade Agreement: Impact and Policy Implications for Vietnam*. <http://ssrn.com/abstract=2802488> Electronic copy available at: <https://ssrn.com/abstract=2802488> Electronic copy available at: <http://ssrn.com/abstract=2802488>.

Ningthoujam, A. (2017). *Vietnam, an Emerging Partner in Israel's "Asia Pivot" Policy*. <https://about.jstor.org/terms>.

Phan Tú Anh. (2017). Các nhân tố ảnh hưởng đến thương mại song phương giữa Việt Nam và các đối tác thương mại. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*.

WB. (2022). *Thông tin về Dân số, GDP của Israel*.

Summary

Vietnam and Israel signed the Free Trade Agreement (VIFTA) on July 25, 2023, the Agreement is expected to take effect in early 2024, this is meaningful to promote international trade and investment relationships between the two countries. By using trade indicators, the research shows that the bilateral goods trade relationship between Vietnam and Israel is complementary; Vietnam has the advantage of exporting agricultural products, seafood, textiles, footwear, phones and components,... while Israel has the advantage of exporting fertilizers, machinery and equipment, tools and spare parts, computers, ... When the Agreement comes into effect, Vietnam will continue to have the opportunity to export products with comparative advantages such as tropical fruits, garments, shoes, phones, and other products such as cars, machines, electricity, electrical equipment, electronic circuits,... to the Israel market. To take advantage of the benefits from the Agreement, Vietnam needs to promote cooperation with Israel in diplomacy, economics, high technology, and innovation.